

CHƯƠNG VII

TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Nội dung:

- Xác định các thành phần của AD
- Phân tích các nhân tố tác động đến các thành phần này và xây dựng mối quan hệ giữa chúng.
- Xác định số nhân tổng cầu và các số nhân cá biệt
- Nguyên tắc thực hiện CSTK và tác động của CSTK đến AD
- Tìm hiểu mối quan hệ giữa CSTK và ngân sách chính phủ; cơ chế tự ổn định của nền KT

CHƯƠNG 6

TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Các giả định :

- Giá cả, tiền lương và lãi suất không thay đổi
- Nguồn lực của nền kinh tế chưa sử dụng hết, AS không bị hạn chế (sản lượng Y do AD quyết định).
- Đồng nhất sản lượng với thu nhập, ký hiệu là Y

TỔNG CHI TIÊU THEO KẾ HOẠCH - APE

- APE đề cập đến *tổng chi tiêu theo kế hoạch* cho tiêu dùng, đầu tư, hàng hóa và dịch vụ công, và xuất khẩu ròng tại mỗi mức giá P
- Ở đây, P không đổi $\Rightarrow APE = AD$

I. CÁC THÀNH PHẦN CỦA APE VÀ AD

$$AD = APE = C + I + G + X - M$$

1. Tiêu dùng của HGĐ: C
2. Đầu tư của khu vực tư nhân: I
3. Chi tiêu của chính phủ: G
4. Xuất khẩu ròng: $NX = X - M$

1. Tiêu dùng

Tiêu dùng của một HGĐ phụ thuộc vào các nhân tố:

- Giá cả hàng tiêu dùng (P)
- Thu nhập khả dụng (Y_d)
- Niềm tin (kỳ vọng)
- Tài sản
- Chính sách kinh tế

(Y_d đóng vai trò quan trọng nhất)

Hàm tiêu dùng

- Hàm tiêu dùng phản ánh **mức tiêu dùng (chi tiêu) của hộ gia đình tương ứng với mỗi mức thu nhập.**
- Công thức của hàm tiêu dùng như sau :

$$C = f_1(Y_d) = \bar{C} + MPC.Y_d$$

- \bar{C} tiêu dùng không phụ thuộc vào thu nhập hay tiêu dùng tự định (hằng số)

$$Y_d = 0 \Rightarrow C = \bar{C}$$

- $Y_d = Y - T$ (thuế ròng)

Hàm tiêu dùng

MPC (Marginal Propensity to Consume) – xu hướng tiêu dùng cận biên: Cho biết khi thu nhập khả dụng Y_d tăng lên 1 đơn vị thì HGD có xu hướng tăng tiêu dùng C thêm bao nhiêu đơn vị.

$$MPC = \frac{\Delta C}{\Delta Y_d}$$

- $Y \uparrow \Rightarrow C \uparrow \Rightarrow \Delta C > 0 \Rightarrow MPC > 0$
- $Y \uparrow \Rightarrow S \uparrow \Rightarrow \Delta C < \Delta Y \Rightarrow MPC < 1$

Hàm tiêu dùng

VD: $MPC = 0,7$, Y_d tăng 200 triệu

HGĐ dành: $200 \times 0,7 = 140$ triệu để mua hàng hóa dịch vụ, còn 60 triệu để tiết kiệm.

Hàm tiết kiệm

Yd (Disposable Income):

$$Y_d = Y - T \text{ (thuế ròng)}$$

Thu nhập khả dụng bao gồm tiêu dùng C và tích lũy S .

$$S = Y_d - C$$

$$S = Y_d - \bar{C} - MPC.Y = -\bar{C} + (1 - MPC).Y_d$$

$$S = -\bar{C} + MPS.Y_d$$

Hàm tiêu dùng

- MPS (Marginal Propensity to Save) - Xu hướng tiết kiệm cận biên: cho biết khi thu nhập khả dụng tăng lên 1 đơn vị các HGĐ có xu hướng tăng tiết kiệm thêm bao nhiêu đơn vị.

$$MPS = \frac{\Delta S}{\Delta Y_d}$$

$$0 < MPS < 1; \quad MPC + MPS = 1$$

Hàm tiêu dùng

Ví dụ :

Cho hàm tiêu dùng $C = 50 + 0,8.Y_d$. Hãy viết hàm TK?

Ta có:

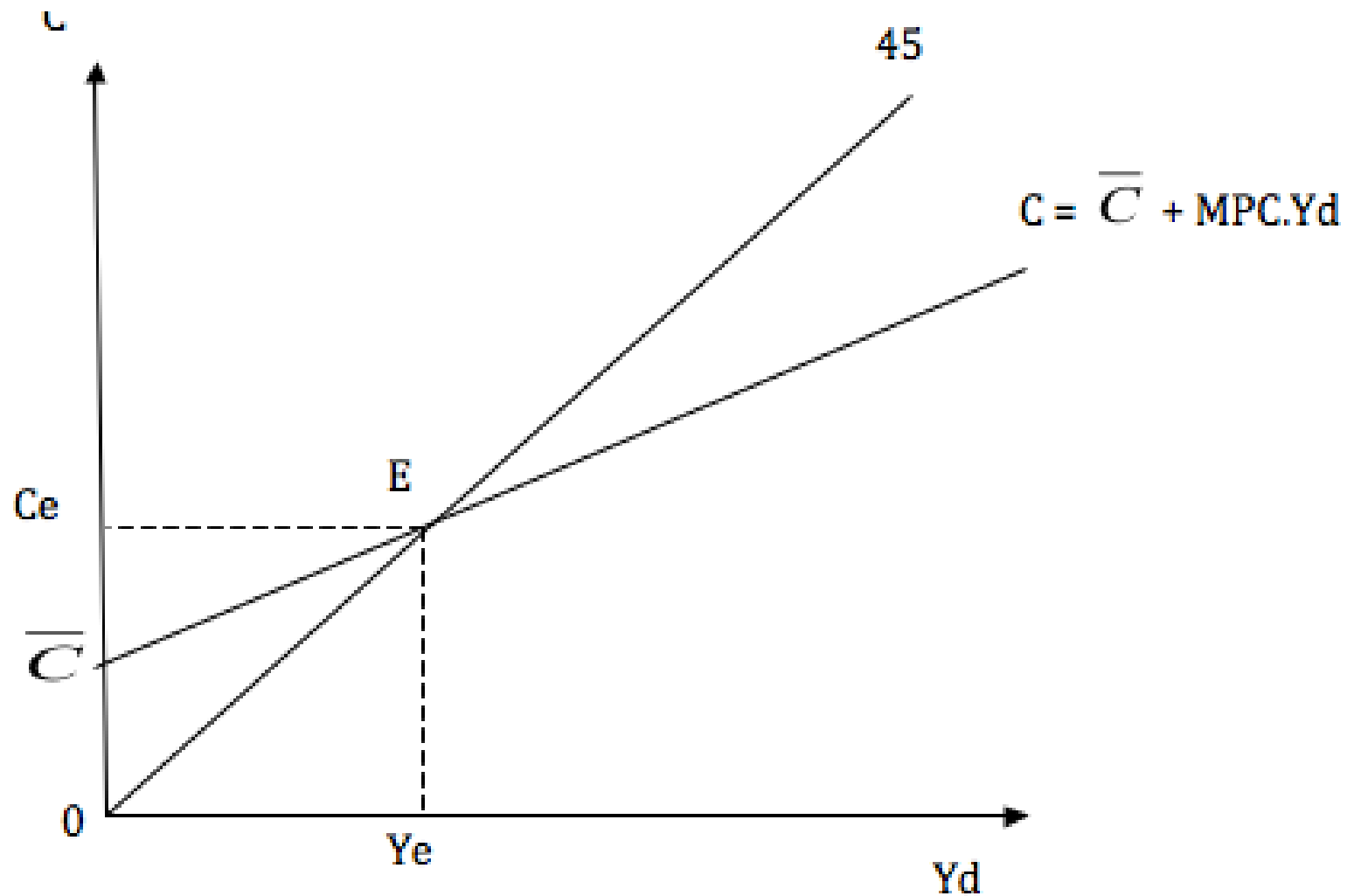
$Y_d = 0 \Rightarrow C = 50$ (tiêu dùng tự định)

$MPC = 0,8 \Rightarrow MPS = 1 - 0,8 = 0,2$.

Lúc này hàm tiết kiệm được biểu diễn như sau:

$$S = -50 + MPS.Y_d = -50 + 0,2.Y_d$$

Đồ thị hàm tiêu dùng



2 Đầu tư (I)

Đầu tư (I) trong khu vực tư nhân bao gồm:

- ✓ Đầu tư của DN mua máy móc, nhà xưởng
- ✓ Đầu tư của HGĐ mua bất động sản
- ✓ Hàng tồn kho

2. Đầu tư (I)

Ở đây, chúng ta giả định mức đầu tư không thay đổi và không liên quan tới lãi suất hay thu nhập của nền kinh tế.

$$I = \bar{I}$$

- Giả thiết dựa trên quan điểm đầu tư được qđ bởi dự tính của DN về triển vọng KT trong tương lai nên nó ít chịu ảnh hưởng bởi những gì diễn ra trong hiện tại.

3. Chi tiêu chính phủ (G)

$$G = \overline{G}$$

G không phụ thuộc vào thu nhập hiện tại của nền kinh tế. Tuy G phụ thuộc vào nguồn thu nhưng chính phủ thường dự tính trước chi tiêu của năm là bao nhiêu trước khi có nguồn thu.

4. Xuất khẩu ròng (NX)

$$NX = X - M$$

- **Xuất khẩu (X)** phụ thuộc vào các nhân tố sau :
 - ✓ Giá cả hàng hóa trong nước
 - ✓ Tỷ giá hối đoái
 - ✓ Chính sách
 - ✓ Thu nhập của nước nhập khẩu

4. Xuất khẩu ròng (NX)

- Xuất khẩu không phụ thuộc vào thu nhập trong nước mà phụ thuộc vào thu nhập của người nước ngoài nên khi xác định tổng chi tiêu trong nước ta giả định xuất khẩu là cố định :
- $X = \bar{X}$: *xuất khẩu tự định, không phụ thuộc thu nhập*

4. Xuất khẩu ròng (NX)

- **Nhập khẩu** phụ thuộc:

- ✓ Tỷ giá hối đoái
- ✓ Chính sách
- ✓ Thu nhập trong nước

$$M = MPM \cdot Y$$

- **MPM** (Marginal Propensity to Import) – Xu hướng nhập khẩu cận biên: Phản ánh khi thu nhập khả dụng tăng thêm 1 đơn vị thì cư dân trong nước tăng chi cho hàng nhập khẩu bao nhiêu đơn vị.

$$MPM = \frac{\Delta M}{\Delta Y} \quad ; 0 < MPM < 1$$

Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

Phương trình APE:

$$APE = C + I + G + X - M$$

Giả sử chính phủ đánh thuế theo thu nhập : $T = t.Y$

$$C = \bar{C} + MPC.(Y - tY)$$

I, G, X đều cố định.

$$M = MPM.Y$$

Ta có:

$$APE = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + MPC(1-t)Y + \bar{X} - MPM.Y$$

$$APE = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X} + [MPC(1-t) - MPM]Y$$

Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

Phương trình APE:

$$\begin{array}{llll} \text{VD: } C = 50 + 0,8Y_d; & I = 100; & G = 150; & X = 30 \\ & M = 0,11.Y; & t = 20\% & \end{array}$$

Viết phương trình APE?

$$\begin{aligned} \text{Ta có: APE} &= 330 + 0,8 (1-t).Y - 0,11.Y \\ &= 330 + 0,8 (1 - 0,2).Y - 0,11.Y \\ &= 330 + 0,53Y \end{aligned}$$

Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

Sản lượng cân bằng Y_0 :

$$Y = APE$$

$$Y = \bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + [MPC(1 - t) - MPM]Y + \bar{X}$$

$$Y_0 = \frac{1}{1 - MPC(1 - t) + MPM}(\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X})$$

Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

Số nhân chi tiêu:

$$m = \frac{1}{1 - MPC(1 - t) + MPM}$$

Chi tiêu tự định trong nền KT mở:

$$(\bar{C} + \bar{I} + \bar{G} + \bar{X})$$

Nền KT giản đơn và KT đóng

- Trong nền KT giản đơn và KT đóng, một số yếu tố trong công thức tính AD (APE) sẽ mất đi (coi là bằng 0)

- **Nền KT giản đơn:**

$$APE = C + I$$

- **Nền KT đóng có CP:**

$$APE = C + I + G$$

II. CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

1. Chính sách tài khóa

a. Khái niệm: CSTK phản ánh cách thức chính phủ sử dụng thuế (T) và chi tiêu chính phủ (G) để điều tiết nền kinh tế.

1. Chính sách tài khóa

b. Phân loại:

- **CSTK ngắn hạn:** nhằm chống suy thoái, lạm phát, thất nghiệp hoặc cân bằng ngân sách.
- **CSTK trong dài hạn:** được sử dụng để thay đổi cơ cấu kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng. VD: Chi tiêu chính phủ để đầu tư cho cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng... Giảm thuế đánh vào những ngành sx ra hàng hóa phục vụ đầu tư => Tăng trưởng trong tương lai.

b. Phân loại CSTK

	CSTK mở rộng/ nới lỏng (Expansionary fiscal policy)	CSTK thu hẹp/ thắt chặt (Contractionary fiscal policy)
Thời điểm áp dụng	Khi nền kinh tế đang suy thoái để làm tăng AD và sản lượng	Khi nền kinh tế đang phát triển quá nóng để làm giảm AD và sản lượng
Công cụ	+ $G \uparrow$ + hoặc $T \downarrow$ + hoặc cả $G \uparrow$ và $T \downarrow$	+ $G \downarrow$ + hoặc $T \uparrow$ + hoặc cả $G \downarrow$ và $T \uparrow$

c. Hạn chế của CSTK

- **Tính liều lượng T và G khó chính xác**
- **Độ trễ: Độ trễ trong và ngoài**
 - Độ trễ trong: cần thời gian để đưa ra CSTK
 - Độ trễ ngoài: cần thời gian để CSTK phát huy tác dụng (15-18 tháng theo World Bank)

2. Cơ chế tự ổn định của nền KT

- **Cơ chế tự ổn định:** Là việc giảm bớt những biến động của nền kinh tế khi các thành phần của tổng chi tiêu đột ngột thay đổi.

2. Cơ chế tự ổn định của nền KT

- **Công cụ của cơ chế:** Thuế suất (t) và trợ cấp (TR)
 - t: thuế suất. $Tổng\ thuế: T = t.Y$
nền kinh tế rơi vào suy thoái, thu nhập giảm, thuế tự động giảm \Rightarrow Kích thích AD tăng.
 - Tr: trợ cấp.
nền kinh tế rơi vào suy thoái, thất nghiệp tăng \Rightarrow trợ cấp thất nghiệp cũng tăng \Rightarrow Kích thích AD tăng

3. Chính sách tài khóa và thâm hụt ngân sách CP

- a. **Ngân sách nhà nước:** là bảng tổng hợp các khoản thu, chi của chính phủ trong khoảng thời gian nhất định (thường là một năm).

Gọi B là hiệu số giữa thu và chi ngân sách:

$$B = T - G$$

T: Thuế ròng (Bảng tổng nguồn thu từ thuế trừ đi chuyển giao thu nhập = $T_x - T_r$)

G: Chi tiêu chính phủ để mua hàng hóa và dịch vụ.

B: Cán cân ngân sách

3. Chính sách tài khóa và thâm hụt ngân sách CP

Cán cân ngân sách:

$$B = T - G$$

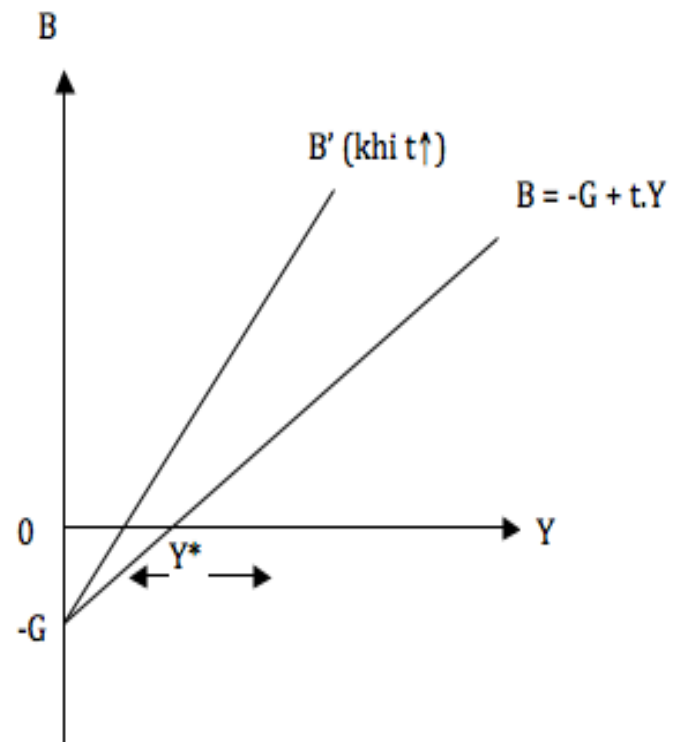
- $B = 0$: cân bằng ngân sách.
- $B < 0$: thâm hụt ngân sách
- $B > 0$: thặng dư ngân sách.

a. Ngân sách nhà nước

Giả định $T = t.Y$, có phương trình ngân sách đơn giản:

$$B = -G + t.Y$$

(t : hệ số góc)



b. Phản ứng của CP khi có thâm hụt NS ($tY < G$)

- ***Phản ứng cùng chiều (CSTK cùng chiều)***: Khi $tY < G \Rightarrow$ Nhà nước tăng T , giảm G để đảm bảo $G = tY$; $B=0$. Nhưng có thể làm cho suy thoái càng trầm trọng hơn do việc giảm G sẽ làm giảm AD .
- ***Phản ứng ngược chiều (CSTK ngược chiều)***: Với mục tiêu giữ cho nền KT luôn ở mức sản lượng tiềm năng với mức việc làm đầy đủ, khi $tY < G \Rightarrow$ thay vì tăng t để bảo đảm thu, Nhà nước lại giảm t để kích thích đầu tư ($\uparrow I$), thay vì giảm G thì Nhà nước lại $\uparrow G$ để $\uparrow AD$.

c. Phân loại thâm hụt ngân sách

- *Thâm hụt ngân sách thực tế*: Là thâm hụt khi số chi thực tế vượt số thu thực tế trong một thời kỳ nhất định.
- *Thâm hụt ngân sách chu kỳ*: Là thâm hụt khi nền kinh tế bị suy thoái theo chu kỳ kinh doanh.

VD: KT suy thoái, thất nghiệp tăng dẫn đến thu ngân sách từ thuế giảm xuống, chi ngân sách cho trợ cấp thất nghiệp tăng lên.

c. Phân loại thâm hụt ngân sách

- *Thâm hụt ngân sách cơ cấu*: Là thâm hụt tính toán được khi giả định nền kinh tế đạt sản lượng tiềm năng. NS thâm hụt là do chịu ảnh hưởng của các yếu tố như quy định thuế suất, trợ cấp BHXH hay chi tiêu cho giáo dục, quốc phòng...
- Thâm hụt thực tế = Thâm hụt chu kỳ + Thâm hụt cơ cấu

$$B_{tt} = B_{ck} + B_{cc} \Rightarrow B_{cc} = B_{tt} - B_{ck}$$

4. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách

- *Vay tiền từ ngân hàng trung ương (tiền tệ hóa thâm hụt):*
- *Vay từ ngân hàng thương mại*
- *Vay ngoài ngân hàng*
- *Vay nước ngoài*